

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15-6-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Ninh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Dũng

Ông Nguyễn Ngọc Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái** tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST–HNGĐ ngày 21/3/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 5 năm 2022; Thông báo mở lại phiên tòa số: 14/2022/TB-XX ngày 03/6/2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* chị **Dương Thị L**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Á, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

*2. Bị đơn:* anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Á, xã Mn, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Dương Thị Lan trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên vào ngày 15/9/2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không chăm lo cho gia đình, hay chửi bới và có hành vi bạo lực gia đình. Vợ chồng sống

ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

*Về con chung:* chị và anh H có hai con chung Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh ngày 17/7/2006 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 08/8/2014. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi Nguyễn Quốc K, còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Hồng Đ. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung và nợ chung:* chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lục Yên đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến bị đơn Nguyễn Văn H nhưng anh H không có mặt. Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không hòa giải được và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử về nội dung vụ án như sau:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Về quan hệ hôn nhân: giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc K, giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Hồng Đ, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia xét xử lần hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Dương Thị L và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào ngày 15/9/2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

*Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:* qua lời khai của nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H không chăm lo gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống.

Chị L cùng con chung về nhà bố mẹ đẻ tại xã Yên, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái sinh sống từ đó đến nay, vợ chồng ly thân không quan tâm đến nhau đồng thời cũng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng hôn nhân. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại thôn Át Thượng, xã M, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, có căn cứ chấp nhận.

[3] *Về con chung*: chị L và anh H có hai con chung Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh ngày 17/7/2006 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 08/8/2014, căn cứ lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh của Tòa án xác định hiện tại các con chung có nơi ở và học tập ổn định.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con chung Nguyễn Quốc K cho chị Dương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thị Hồng Đ cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp. Nguyên đơn không yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: chị Dương Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Dương Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung*: giao cho chị Dương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Quốc K, sinh ngày 08/8/2014; giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh ngày 17/7/2006 cho đến khi đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: chị Dương Thị L phải chịu 300.000<sup>d</sup> (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000<sup>d</sup> (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2021/0002218 ngày 21/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- UBND xã Minh Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

**Trần Đăng Ninh**